

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 37



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú và công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Thông tin chung về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (công ty mẹ) và công ty con là Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam.

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301427564 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 8 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất ngày 25 tháng 03 năm 2003;
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ hai ngày 02 tháng 03 năm 2007 về việc bổ sung tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh ;
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ ba ngày 25 tháng 10 năm 2007 về việc thay tăng vốn điều lệ từ 6.000.000.000 VND lên 22.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ tư ngày 13 tháng 11 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ năm ngày 16 tháng 08 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0301427564;
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ sáu ngày 09 tháng 09 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc sang ông Hồ Vinh Hiển;
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ bảy ngày 28 tháng 10 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ từ 22.000.000.000 VND lên 23.355.000.000 VND; đồng thời, bổ sung thông tin về 83 chi nhánh của Công ty;
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ tám ngày 11 tháng 02 năm 2011 về việc giảm số chi nhánh từ 83 chi nhánh xuống còn 82 chi nhánh;
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ chín ngày 28 tháng 02 năm 2012 về việc thêm mã ngành; đồng thời, thay đổi số chi nhánh từ 82 chi nhánh lên 83 chi nhánh;
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ mười ngày 18 tháng 04 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ từ 23.355.000.000 VND lên 29.799.990.000 VND; đồng thời, thay đổi thông tin về các chi nhánh với số chi nhánh giảm xuống từ 83 chi nhánh còn 69 chi nhánh;
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ mười một ngày 18 tháng 09 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ từ 29.799.990.000 VND lên 45.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ mười hai ngày 24 tháng 12 năm 2015 về việc giải thể tất cả các chi nhánh của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là PPP) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 08 3754 7999
- Fax : 08 3754 7996



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: bán buôn thuốc, bán buôn mỹ phẩm; bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm, nước hoa; sản xuất trà; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mì ống, mỹ sợi và sản phẩm tương tự; sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn; bán buôn trà, bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, bán buôn thực phẩm chức năng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; kinh doanh bất động sản; sản xuất thực phẩm chức năng; sản xuất thuốc; sản xuất ca cao, sô cô la và mút kẹo; và bán buôn đồ uống không có cồn.

Công ty con

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam	Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại dược phẩm	100%	100%	100%

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, quản lý và Ban kiểm soát của Công ty mẹ

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, quản lý và Ban kiểm soát của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Từ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Thái Nhã Ngôn	Phó Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Lệ Thu	Thành viên	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Hồ Vinh Hiển	Thành viên	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Đình Thắng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Thanh Tùng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Thái Nhã Ngôn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Hồ Vinh Hiển	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Thanh Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Tô Ngọc Hân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Thái Nhã Ngôn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2014
Ông Hồ Vinh Hiển	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc chất lượng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Minh Hùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2012

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Thảo Hương	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Văn Khôi	Thành viên	Từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Hứa Thị Duyên Khoe	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Chấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính hợp nhất kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



THÁI NHÀ NGÔN
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016



Số: 120/2016/BCKTHN-HCM.00623

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phong Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phong Phú và công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

A48995
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
KIỂM TOÁN
VIỆT NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 05 tháng 02 năm 2015.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

DIỆP QUỐC BÌNH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2200-2013-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.996.419.986	42.436.425.474
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.538.236.849	10.445.448.342
Tiền	111		3.538.236.849	5.445.448.342
Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	-	4.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.777.782.805	12.058.802.979
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	16.116.948.718	11.004.760.547
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	171.228.709	142.989.074
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.489.605.378	911.053.358
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		16.324.633.462	15.006.591.093
Hàng tồn kho	141	5.6	16.324.633.462	15.006.591.093
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		355.766.870	925.583.060
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	224.173.987	90.047.829
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.194.227	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	119.398.656	835.535.231
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.422.330.064	76.441.305.559
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		71.300.706.282	74.399.090.884
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	51.139.483.301	53.679.489.963
Nguyên giá	222		66.493.482.008	65.932.303.918
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.353.998.707)	(12.252.813.955)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	20.161.222.981	20.719.600.921
Nguyên giá	228		21.965.117.967	21.965.117.967
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.803.894.986)	(1.245.517.046)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.121.623.782	2.042.214.675
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	1.121.623.782	2.042.214.675
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.418.750.050	118.877.731.033

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		63.141.706.742	68.681.179.556
Nợ ngắn hạn	310		40.310.706.742	18.483.679.556
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	16.570.358.081	17.400.495.484
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	3.912.235.530	293.287.445
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	128.135.190	267.321.241
Phải trả người lao động	314		-	467.201.916
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	617.892.571	205.190.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		6.602.438	16.552.038
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14.1	18.560.000.000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.15	515.482.932	(166.368.568)
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		22.831.000.000	50.197.500.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.16	1.431.000.000	1.517.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14.2	21.400.000.000	48.680.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

030
TRÁI
KI
AFC
21-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.277.043.308	50.196.551.477
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	54.277.043.308	50.196.551.477
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.205.500.000	2.205.500.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.619.774.643	2.138.540.310
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.451.768.665	852.511.167
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		852.511.167	(4.941.311.051)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		3.599.257.498	5.793.822.218
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		117.418.750.050	118.877.731.033

1448
ÔNG
NHIỆ
M
VIỆ
TP.1





NGÔ THỊ XUÂN PHƯỢNG
 Người lập biểu

NGUYỄN MINH HÙNG
 Kế toán trưởng


THÁI NHÃ NGÔN
 Tổng Giám đốc
 TP.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	101.563.020.090	108.410.806.278
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.249.248.210	603.315.598
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99.313.771.880	107.807.490.680
Giá vốn hàng bán	11	6.3	80.544.202.573	89.148.776.880
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.769.569.307	18.658.713.800
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	475.132.607	181.320.770
Chi phí tài chính	22	6.5	1.134.544.655	2.532.412.085
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		975.877.776	2.478.063.425
Chi phí bán hàng	25	6.6	4.555.418.640	4.053.672.291
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	7.232.593.145	7.909.839.509
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.322.145.474	4.344.110.685
Thu nhập khác	31	6.8	93.229.522	2.849.131.120
Chi phí khác	32		81.045.210	349.743.528
Lợi nhuận khác	40		12.184.312	2.499.387.592
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.334.329.786	6.843.498.277
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.521.986.456	899.232.911
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.812.343.330	5.944.265.366
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	909	1.552

995-C
: TY
KHU
TOÁN
[NAM
10 CH

(Handwritten signature)

NGÔ THỊ XUÂN PHƯỢNG
Người lập biểu

NGUYỄN MINH HÙNG
Kế toán trưởng



THAI NHÃ NGÔN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.334.329.786	6.843.498.277
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.659.562.692	3.713.711.500
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	04	158.666.879	10.461.021
Chi phí lãi vay	05	(475.132.607)	(2.556.927.161)
Các khoản điều chỉnh khác	06	975.877.776	2.478.063.425
	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	10.653.304.526	10.488.807.062
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(921.064.532)	(3.706.045.660)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(1.318.042.369)	485.226.090
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.492.812.672)	3.716.322.409
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	786.464.735	498.552.192
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(976.447.665)	(2.526.123.425)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(792.568.033)	(899.232.911)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	534.245.642
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(40.000.000)	(90.889.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	4.898.833.990	8.500.862.341
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(561.178.090)	(1.632.480.823)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	6.427.526.799
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	(12.082.880.222)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.000.000.000	8.082.880.222
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	475.132.607	170.859.749
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.913.954.517	965.905.725
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	15.200.010.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	49.060.000.000	7.401.307.330
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(57.780.000.000)	(23.086.707.052)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.720.000.000)	(485.389.722)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	92.788.507	8.981.378.344
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	10.445.448.342	1.464.069.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	10.538.236.849	10.445.448.342

NGÔ THỊ XUÂN PHƯỢNG
Người lập biểu

NGUYỄN MINH HÙNG
Kế toán trưởng

THAI NHÀ NGỒN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (công ty mẹ) và công ty con là Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam.

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: PPP
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 4.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 45.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại dược phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: bán buôn thuốc, bán buôn mỹ phẩm; bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm, nước hoa; sản xuất trà; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn; bán buôn trà, bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, bán buôn thực phẩm chức năng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; kinh doanh bất động sản; sản xuất thực phẩm chức năng; sản xuất thuốc; sản xuất ca cao, sô cô la và mút kẹo; và bán buôn đồ uống không có cồn.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn gồm Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú ("công ty mẹ") và Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam ("công ty con").

Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam	Lô số 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, dịch vụ y tế	100%	100%	100%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như được trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm tài chính trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 176 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 165 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ các hướng dẫn được ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (công ty mẹ) (gọi tắt là "Công ty") và Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam (công ty con) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ Báo cáo tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

4.3 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

03004
CỘNG
HỢP
KIỂM
TOÁN
VIỆT
NAM
TP.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.7 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 8 tháng.

4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc và thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
Tài sản cố định khác	15 năm

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất 40 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

448
CÔNG
VIỆM
M T
VIỆT
TP. H

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

195-
TY
HỮU
DÂN
NAI
OC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước

Các cá nhân được xem là các bên liên quan: Các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt (VND)	257.989.049	103.198.278
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND)	3.280.247.800	5.342.250.064
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	5.000.000.000
	10.538.236.849	10.445.448.342

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi VND có kỳ hạn từ 01-03 tháng tại ngân hàng BIDV – Chi nhánh Kỳ Hòa. Lãi suất tiền gửi từ 4,0% đến 4,5%/năm. Trong đó, số tiền được sử dụng để bảo đảm hợp đồng cấp bảo lãnh theo Hợp đồng số 03/2015/2778396/HĐBĐ ngày 18 tháng 8 năm 2015 với số tiền là 4.000.000.000 VND.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	2.156.000	6.174.000
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Dược phẩm Quang Anh	3.393.826.477	-
Công ty TNHH Shine Pharma	1.595.613.188	871.042.429
Công ty TNHH Dược phẩm Đại Quang	4.015.591.285	2.827.555.455
Nguyễn Thị Kim Huy và Nguyễn Thị Kim Ngọc	-	1.300.000.000
Các khách hàng khác	7.109.761.768	5.999.988.663
	16.116.948.718	11.004.760.547

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Trả trước người bán khác</i>		
Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	166.153.709	
Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)		26.400.000
Trả trước cho người bán khác	5.075.000	116.589.074
	171.228.709	142.989.074

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu các cửa hàng	525.000.000	-	530.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Mười	159.995.000	-	159.995.000	-
Lãi dự thu	17.277.778	-	24.927.778	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa	-	-	96.944.792	-
Tạm ứng	8.473.900	-	72.969.000	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	26.000.000	-	26.000.000	-
Các khoản phải thu do chi hộ	752.858.700	-	216.788	-
	1.489.605.378	-	911.053.358	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.909.661.990	-	7.006.496.043	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.580.430.434	-	1.381.525.671	-
Thành phẩm	5.611.450.926	-	5.770.383.779	-
Hàng hóa	1.223.090.112	-	755.419.024	-
Hàng gửi đi bán	-	-	92.766.576	-
	16.324.633.462	-	15.006.591.093	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí bảo hiểm	86.541.087	84.797.829
Chi phí in ấn	-	5.250.000
Chi phí sơn nhà máy	137.632.900	-
	224.173.987	90.047.829

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phần mềm kế toán		15.624.998
Chi phí thuê gian hàng	132.175.217	139.126.084
Công cụ, dụng cụ	989.448.565	1.887.463.593
	1.121.623.782	2.042.214.675

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2015	40.227.809.688	24.612.271.894	841.674.717	31.500.000	219.047.619	65.932.303.918
Mua trong năm	75.000.000	165.316.000	320.862.090	-	-	561.178.090
Tại ngày 31/12/2015	40.302.809.688	24.777.587.894	1.162.536.807	31.500.000	219.047.619	66.493.482.008
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2015	3.344.611.039	8.148.513.980	509.141.317	31.500.000	219.047.619	12.252.813.955
Khấu hao trong năm	958.687.341	2.046.758.805	95.738.606	-	-	3.101.184.752
Tại ngày 31/12/2015	4.303.298.380	10.195.272.785	604.879.923	31.500.000	219.047.619	15.353.998.707
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	36.883.198.649	16.463.757.914	332.533.400	-	-	53.679.489.963
Tại ngày 31/12/2015	35.999.511.308	14.582.315.109	557.656.884	-	-	51.139.483.301

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	461.118.928	4.515.336.266	141.606.706	-	-	5.118.061.900
Tại ngày 31/12/2015	461.118.928	4.627.477.466	141.606.706	-	-	5.230.203.100

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2015 là 7.517.898.487 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	21.935.117.967	30.000.000	21.965.117.967
Tại ngày 31/12/2015	21.935.117.967	30.000.000	21.965.117.967
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	1.233.850.380	11.666.666	1.245.517.046
Khấu hao trong năm	548.377.944	9.999.996	558.377.940
Tại ngày 31/12/2015	1.782.228.324	21.666.662	1.803.894.986
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	20.701.267.587	18.333.334	20.719.600.921
Tại ngày 31/12/2015	20.152.889.643	8.333.338	20.161.222.981

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2015 là 20.161.222.981 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	26.250.000	247.327.500
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Dược Cửu Long	4.643.874.600	4.410.815.200
Celltrion Pharm, Inc.	742.500.000	3.799.812.751
Công ty Cổ phần Dược INCON	698.110.002	-
Các nhà cung cấp khác	10.459.623.479	8.942.540.033
	16.570.358.081	17.400.495.484

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Shine Pharma	2.738.154.496	-
Công ty Vĩnh Tường Phát	490.819.068	-
Các khách hàng khác	683.261.966	53.512.945
Công ty HDT	-	130.200.000
Công ty TNHH Dược phẩm Xuân Hòa	-	109.574.500
	3.912.235.530	544.669.610

044/
CÔNG
H NHIỆ
ỀM
VIỆ
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.12 Thuế

	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	214.245.304	-	2.701.230.148	(2.851.671.878)	63.803.574	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.867.395	(835.535.231)	1.521.986.456	(792.568.033)	33.149.243	(119.398.656)
Thuế thu nhập cá nhân	33.208.542	-	77.141.880	(79.178.049)	31.172.373	-
Thuế nhà đất	-	-	3.289.829	(3.289.829)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	57.500.000	(57.500.000)	-	-
Cộng	267.321.241	(835.535.231)	4.361.148.313	(3.784.207.789)	128.125.190	(119.398.656)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Trích trước lương tháng 13	533.272.460	-
Chi phí lãi vay phải trả	84.620.111	85.190.000
Chi phí trích trước khác	-	120.000.000
	617.892.571	205.190.000

1995-
CÔNG TY
KẾ TOÁN
TỔNG
CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.14 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan (*)				
Ông Thái Nhã Ngôn	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Ông Hồ Vinh Hiển	360.000.000	360.000.000	-	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	600.000.000	600.000.000	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay dài hạn đến hạn trả (**)	9.600.000.000	9.600.000.000	-	-
	18.560.000.000	18.560.000.000	-	-

(*) Thông tin chi tiết về từng khoản vay ngắn hạn

Đối tượng	Mục đích vay	Thời hạn vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Thái Nhã Ngôn	Dùng trong kinh doanh sản xuất	9 tháng, từ 13/02/2015 đến 13/11/2015	8.000.000.000	7,4%/năm	Không có
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Dùng trong kinh doanh sản xuất	9 tháng, từ 01/03/2015 đến 01/12/2015	600.000.000	7,4%/năm	Không có
Hồ Vinh Hiển	Dùng trong kinh doanh sản xuất	9 tháng, từ 20/12/2015 đến 20/09/2016	360.000.000	7,4%/năm	Không có

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm tài chính như sau:

	01/01/2015 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2015 VND
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	10.060.000.000	-	(1.100.000.000)	8.960.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	9.600.000.000	-	9.600.000.000
	-	10.060.000.000	9.600.000.000	(1.100.000.000)	18.560.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.14.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn các tổ chức khác				
Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long – CN Chợ Lớn	-	-	48.680.000.000	48.680.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn (**)	21.400.000.000	21.400.000.000	-	-
	21.400.000.000	21.400.000.000	48.680.000.000	48.680.000.000

() Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn**

Đối tượng	Mục đích vay	Thời hạn vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Vietinbank 150450007/2015-HĐTDDA/NHCT9 23.	Thanh toán nợ vay tại ngân hàng	30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	34.130.000.000	8,5%/năm	- Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469877, số vào sổ cấp GCN: T00586, do UBND TP.HCM cấp ngày 18/02/2008, địa chỉ: 132 Đường Nguyễn Thị Tần, P2, Q8, TP.HCM.
Vietinbank 150450008/2015-HĐTDDA/NHCT9 23	MHB CN Chợ Lớn để thực hiện dự án đầu tư nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh theo tiêu chuẩn GMP của WHO tại KCN Tân Tạo, HCM.	Trả lãi: ngày 25 của tháng Trả gốc: ngày 25 của tháng. Ngày bắt đầu trả lãi: 25/03/2015	4.870.000.000	8,5%/năm	- Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469876, số vào sổ cấp GCN: T00583, do UBND TP.HCM cấp ngày 18/02/2008, địa chỉ: 623 đường Hưng Phú, P9, Q8, TP.HCM. - Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469875, số vào sổ cấp GCN: T00587, do UBND TP.HCM cấp ngày 18/02/2008, địa chỉ: 313 đường Bình Đông, P15, Q8, TP.HCM. - Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469879, số vào sổ cấp GCN: T00584, do UBND TP.HCM cấp ngày 18/02/2008, địa chỉ: 11 đường Âu Dương Lân, P3, Q8, TP.HCM. - Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469879, số vào sổ cấp GCN: T00584, do UBND TP.HCM cấp ngày 18/02/2008, địa chỉ: 543 đường Tùng Thiện Vương, P12, Q8, TP.HCM - Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB694332, số vào sổ cấp GCN: CT02398, do UBND TP.HCM cấp ngày 11/09/2010, địa chỉ: Phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP.HCM - Các máy móc thiết bị đang sử dụng tại nhà máy sản xuất thuốc lô 12, đường số 8, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM - Các tài sản gắn liền với Thửa Đất tại địa chỉ: Lô 12, đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2015			
Vay dài hạn ngân hàng	31.000.000.000	9.600.000.000	21.400.000.000
	31.000.000.000	9.600.000.000	21.400.000.000
Tại ngày 01/01/2015			
Vay dài hạn ngân hàng	48.680.000.000	-	48.680.000.000
	48.680.000.000	-	48.680.000.000

5.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2015 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2015 VND
Quỹ khen thưởng	(166.368.568)	721.851.500	(40.000.000)	515.482.932
	(166.368.568)	721.851.500	(40.000.000)	515.482.932

5.16 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	1.431.000.000	1.517.500.000
	1.431.000.000	1.517.500.000

5.17 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	29.799.990.000	2.205.500.000	2.088.392.594	-	(4.940.561.051)	29.153.321.543
Tăng vốn trong năm	15.200.010.000	-	-	-	-	15.200.010.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	5.943.515.366	5.943.515.366
Trích lập các quỹ	-	-	-	50.147.716	(150.443.148)	(100.295.432)
Số dư tại ngày 31/12/2014	45.000.000.000	2.205.500.000	2.088.392.594	50.147.716	852.511.167	50.196.551.477
Phân loại lại (*)	-	-	(50.147.716)	(50.147.716)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	45.000.000.000	2.205.500.000	2.138.540.310	-	852.511.167	50.196.551.477
Lãi trong năm	-	-	-	-	4.812.343.330	4.812.343.330
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển	-	-	481.234.333	-	(481.234.333)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(721.851.500)	(721.851.500)
Giảm khác	-	-	-	-	(10.000.000)	(10.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	45.000.000.000	2.205.500.000	2.619.774.643	-	4.451.768.665	54.277.043.308

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(*) Phân loại lại số dư theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Thái Nhã Ngôn	17.018.910.000	37,82
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	3.900.820.000	8,67
Ông Hồ Vinh Hiển	2.819.000.000	6,26
Các cổ đông khác	21.261.270.000	47,25
	45.000.000.000	100,00

5.17.3 Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là: 10.000 VND.

5.17.4 Phân phối lợi nhuận

Công ty đã tạm trích các quỹ năm 2015 theo Biên bản Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 25 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	481.234.333
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	721.851.500
• Thù lao Hội đồng quản trị	10.000.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu thành phẩm tiêu thụ	50.016.722.236	71.705.047.605
Doanh thu bán hàng	51.546.297.854	36.674.258.673
Doanh thu dịch vụ	-	31.500.000
	101.563.020.090	108.410.806.278

004
CỘNG
HỘI
KIỂM
SỐ
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	2015 VND	2014 VND
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	13.720.000	26.754.000

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2015 VND	2014 VND
Hàng bán bị trả lại	2.249.247.210	603.315.598
	2.249.247.210	603.315.598

6.3 Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn thành phẩm	33.783.336.656	57.650.030.223
Giá vốn hàng hóa đã bán	46.760.865.917	31.498.746.657
	80.544.202.573	89.148.776.880

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	475.132.607	170.859.749
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	10.461.021
	475.132.607	181.320.770

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm 2015	975.877.776	2.478.063.425
- Chi phí lãi vay phát sinh trong năm	3.975.877.776	2.478.063.425
- Ngân sách Nhà nước cấp bù lãi vay (3.000.000.000)	(3.000.000.000)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	158.666.879	54.348.660
	1.134.544.655	2.532.412.085

8992
G T Y
M H U I
T O A I
T N A
H O C

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.6 Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	3.556.241.931	3.167.013.406
Chi phí vật liệu, dụng cụ	2.118.182	8.418.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.333.336	24.333.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.048.647	667.006.006
Chi phí bằng tiền khác	838.676.544	186.900.971
	4.555.418.640	4.053.672.291

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	3.673.952.030	4.171.271.457
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	429.943.607	322.141.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	654.116.546	703.158.690
Thuế phí, lệ phí	191.184.055	235.139.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.258.351.426	1.835.286.866
Chi phí khác	1.025.045.481	642.841.892
	7.232.593.145	7.909.839.509

6.8 Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Lãi từ thanh lý nhà 30-32 Phong Phú, Phường 12, Quận 8	-	2.386.067.412
- Thu từ thanh lý	-	6.427.526.799
- Giá trị còn lại của tài sản	-	(4.041.459.387)
Thu nhập khác	93.229.522	463.063.708
	93.229.522	2.849.131.120

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2015 VND	2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.334.329.786	6.843.498.277
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	73.280.492	1.504.803.296
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.407.610.278	8.348.301.573
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(4.260.879.255)
Thu nhập tính thuế	6.407.610.279	4.087.422.318
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.409.674.261	899.232.911
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	112.312.195	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.521.986.456	899.232.911



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	4.812.343.330	5.944.265.366
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	VND	(721.851.500)	(100.295.432)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	4.090.491.830	5.843.969.934
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	CP	4.500.000	3.765.054
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	909	1.552

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

		2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		47.186.406.262	47.807.931.458
Chi phí mua hàng		22.636.800.286	-
Chi phí nhân công		13.564.169.158	12.152.560.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định		3.659.562.692	3.713.711.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài		3.429.536.484	4.289.384.122
Chi phí khác		2.811.545.818	3.848.280.341
		93.288.020.700	71.811.867.696

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Tập đoàn mua và bán các công cụ phái sinh, và cũng làm phát sinh các khoản nợ phải trả tài chính, nhằm quản lý rủi ro thị trường. Tất cả các giao dịch này đều được thực hiện trong khuôn khổ hướng dẫn của Ban quản lý rủi ro.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Các khoản vay bên thứ ba	9.600.000.000	21.400.000.000	31.000.000.000
Các khoản vay bên liên quan	8.960.000.000	-	8.960.000.000
Phải trả người bán bên thứ ba	16.544.108.081	-	16.544.108.081
Phải trả người bán bên liên quan	26.250.000	-	26.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	84.677.111	1.431.000.000	1.515.677.111
	35.215.035.192	22.831.000.000	58.046.035.192
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Các khoản vay và nợ bên thứ ba	-	48.680.000.000	48.680.000.000
Phải trả người bán bên thứ ba	17.153.167.984	-	17.153.167.984
Phải trả người bán bên liên quan	247.327.500	-	247.327.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	289.663.788	1.517.500.000	1.807.163.788
	17.690.159.272	50.197.500.000	67.887.659.272

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8, 5.14.2).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2015 và 31/12/2014.

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng bên thứ ba</i>	16.114.792.718	10.998.586.547	16.114.792.718	10.998.586.547
<i>Phải thu khách hàng bên liên quan</i>	2.156.000	6.174.000	2.156.000	6.174.000
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.455.131.478	714.922.778	1.455.131.478	714.922.778
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	10.538.236.849	10.445.448.342	10.538.236.849	10.445.448.342
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>	0	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Tổng cộng	28.136.317.045	26.191.131.667	28.136.317.045	26.191.131.667

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

<i>Vay và nợ bên thứ ba</i>	31.000.000.000	48.680.000.000	31.000.000.000	48.680.000.000
-----------------------------	----------------	----------------	----------------	----------------

0044
CÔNG
CHÍNH
KIỂM
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<i>Phải trả người bán bên thứ ba</i>	16.544.108.081	17.153.167.984	16.544.108.081	17.153.167.984
<i>Phải trả người bán bên liên quan</i>	26.250.000	247.327.500	26.250.000	247.327.500
<i>Phải trả vay bên liên quan</i>	8.960.000.000	-	8.960.000.000	-
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	1.515.677.111	1.807.163.788	1.515.677.111	1.807.163.788
Tổng cộng	58.046.035.192	67.887.659.272	58.046.035.192	67.887.659.272

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(2) *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất và kinh doanh thuốc tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Tập đoàn có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2015 VND	2014 VND
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Mua hàng hóa	674.175.000	2.102.887.500
	Bán hàng hóa	13.720.000	26.754.000

3995-
CÔNG TY
KHUYẾN
TOÁN
TÀI CHÍNH
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2015 VND	2014 VND
Ông Thái Nhã Ngôn	Vay	8.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Vay	600.000.000	-
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Vay	550.000.000	-
Bà Trần Lệ Thu	Vay	500.000.000	-
Ông Hồ Vinh Hiển	Vay	360.000.000	-
Ông Đỗ Ngọc An	Vay	50.000.000	-

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty/cá nhân liên quan	Nội dung	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Phải thu tiền hàng	2.156.000	6.174.000
	Phải trả tiền hàng	(26.250.000)	(247.327.500)
Ông Thái Nhã Ngôn	Vay	(8.000.000.000)	-
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Vay	(550.000.000)	-
Ông Đỗ Ngọc An	Vay	(50.000.000)	-
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Vay	(600.000.000)	-
Bà Trần Lệ Thu	Vay	(400.000.000)	-

8.3 Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành

	2015 VND	2014 VND
Thù lao, lương và thưởng	1.789.330.804	1.548.525.132
	1.789.330.804	1.548.525.132

8.4 Số liệu so sánh**8.4.1 Áp dụng chế độ kế toán mới**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh tương ứng.

8.4.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng qui định kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	01/01/2015 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	01/01/2015 Số liệu sau điều chỉnh VND
Các khoản phải thu khác	136	811.055.570	88.969.000	900.024.570
Tài sản ngắn hạn khác	155	88.969.000	(88.969.000)	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	338.469.610	156.200.000	544.669.610



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

<i>Bảng cân đối kế toán</i>	<i>Mã số</i>	<i>01/01/2015</i>		<i>01/01/2015</i>
		<i>Số liệu trước điều chỉnh</i>	<i>Các điều chỉnh</i>	<i>Số liệu sau điều chỉnh</i>
		VND	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	319	172.752.038	(156.200.000)	16.552.038
Quỹ đầu tư phát triển	418	2.088.392.594	50.147.716	2.138.540.310
Quỹ dự phòng tài chính		50.147.716	(50.147.716)	-
		<i>2014</i>		<i>2014</i>
		<i>Số liệu trước điều chỉnh</i>		<i>Số liệu sau điều chỉnh</i>
<i>Bảng kết quả kinh doanh</i>				
Thu nhập khác	31	6.693.697.811	(4.041.459.387)	2.652.238.424
Chi phí khác	32	4.391.202.915	(4.041.459.387)	349.743.528
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.579	(27)	1.552

8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.


 NGÔ THỊ XUÂN PHƯỢNG
 Người lập


 NGUYỄN MINH HÙNG
 Kế toán trưởng


 THÁI NHÃ NGÔN
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016